TỔNG CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH VIETTEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1106 /TB-VCC

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 312489/20 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2020, chúng tôi trân trọng thông báo việc bổ sung nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
- Mã chứng khoán: CTR
- Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 024.6266.1225
- Website: congtrinhviettel.com.vn

1. Thông tin trước khi thay đổi:

Ngành nghề kinh doanh trước khi thay đổi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
5	Đúc sắt, thép	2431
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
10	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
12	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Phá dỡ	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)	4312
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Ký ngày: 11/6/2020 11:06:04

18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	**Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác** **Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông**	**4390 (Chính)**
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27	Hoạt động viễn thông có dây	6110
28	Hoạt động viễn thông không dây	6120
29	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;	6190
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34	Khai thác và thu gom than non	0520
35	Khai thác quặng sắt	0710
36	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
37	Khai thác quặng kim loại quí hiếm	0730
38	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
40	Khai thác và thu gom than bùn	0892
41	Khai thác muối	0893
42	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
45	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
46	Đúc kim loại màu	2432
47	Xây dựng nhà để ở	4101
48	Xây dựng nhà không để ở	4102
49	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
51	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
54	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
55	Xây dựng công trình điện	4221

56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	5229
57	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60	Xây dựng công trình thủy	4291
61	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
62	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
63	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
66	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
67	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
68	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
69	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70	Xuất bản phần mềm	5820
71	Lập trình máy vi tính	6201
72	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
73	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và BHXH)	6619
75	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
76	Cho thuê xe có động cơ	7710
77	Cung ứng lao động tạm thời	7820
78	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
79	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

2. Thông tin sau khi thay đổi:

Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

4	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
5	Đúc sắt, thép	2431
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
10	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
12	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Phá dỡ	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)	4312
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	**Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác** **Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông**	**4390** **(Chính)**
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy	4659
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27	Hoạt động viễn thông có dây	6110
28	Hoạt động viễn thông không dây	6120
29	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;	6190
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34	Khai thác và thu gom than non	0520
35	Khai thác quặng sắt	0710
36	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722

37	Khai thác quặng kim loại quí hiếm	0730
38	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
40	Khai thác và thu gom than bùn	0892
41	Khai thác muối	0893
42	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
45	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
46	Đúc kim loại màu	2432
47	Xây dựng nhà để ở	4101
48	Xây dựng nhà không để ở	4102
49	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
51	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
54	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
55	Xây dựng công trình điện	4221
56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	5229
57	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
61	Xây dựng công trình thủy	4291
62	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
65	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66	Xuất bản phần mềm	5820
67	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68	Lập trình máy vi tính	6201
69	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
70	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê công trình, máy móc, thiết bị, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng cơ điện, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng khác	7730
71	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

72	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
73	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và BHXH)	6619
75	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư - Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
76	Cho thuê xe có động cơ	7710
77	Cung ứng lao động tạm thời	7820
78	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
79	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy chữa cháy	3312
84	Đại ký, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
85	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy	7490
86	Sản xuất điện Chi tiết: - Sản xuất và kinh doanh mua bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện)	3511

3. Lý do thay đổi:

- Bổ sung 04 ngành nghề kinh doanh: mã ngành 3312, 4610, 7490, 3511.
- Chi tiết 04 ngành nghề kinh doanh: mã ngành: 4659, 4329, 7110, 7730.

4. Ngày có hiệu lực: 10/6/2020.

**** Tài liệu đính kèm:***
Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 312489/20 ngày 10/6/2020.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin

Nguyễn Ngọc Ánh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2020

Số:

312489/20

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Nhà B10A - Khu Đô thị Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: *024.62820834 - 04.62820835* Fax: *04.38251733*
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website: *www.hapi.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0104753865

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
5	Đúc sắt, thép	2431
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
10	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
12	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Phá dỡ	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)	4312

Scanned with CamScanner

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông	4390(Chính)
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy	4659
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27	Hoạt động viễn thông có dây	6110
28	Hoạt động viễn thông không dây	6120
29	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;	6190
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34	Khai thác và thu gom than non	0520
35	Khai thác quặng sắt	0710
36	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
37	Khai thác quặng kim loại quí hiếm	0730
38	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
40	Khai thác và thu gom than bùn	0892
41	Khai thác muối	0893
42	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

Scanned with CamScanner

STT	Tên ngành	Mã ngành
45	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
46	Đúc kim loại màu	2432
47	Xây dựng nhà để ở	4101
48	Xây dựng nhà không để ở	4102
49	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
51	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
54	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
55	Xây dựng công trình điện	4221
56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	5229
57	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
61	Xây dựng công trình thủy	4291
62	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
65	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66	Xuất bản phần mềm	5820
67	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68	Lập trình máy vi tính	6201
69	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
70	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê công trình, máy móc, thiết bị, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng cơ điện, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng khác	7730
71	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
72	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
73	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619

Scanned with CamScanner

STT	Tên ngành	Mã ngành
75	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư - Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
76	Cho thuê xe có động cơ	7710
77	Cung ứng lao động tạm thời	7820
78	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
79	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy chữa cháy	3312
84	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá)	4610
85	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy	7490
86	Sản xuất điện Chi tiết: - Sản xuất và kinh doanh mua bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện)	3511

Nơi nhận:
-TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL. Địa chỉ:Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Phạm Hồng Nhung.....

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Lê Hồng Hạnh

Scanned with CamScanner